TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2026/DS-ST
Ngày: 31 - 3 -2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 -VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Chí Hữu.

2. Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2025/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa:

1.Nguyên đơn:

Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 5, ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn:

2.1.Bà Đinh Thị Kim L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

(*Vợ ông Nguyễn Tấn Đ*).

2.2.Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

(*Con ông Nguyễn Tấn Đ1*).

2.3.Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 18/8/2003.

Địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

(*Con ông Nguyễn Tấn Đ1).*

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1981

Địa chỉ: 2, ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

(Em ông Đ1).

3.2.Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp P, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

(Em ông Đ1).

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, văn bản trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt phía nguyên đơn có lời trình bày:

Vào ngày 20/12/2022 âm lịch, bà Nguyễn Thị Kim L2 và ông Nguyễn Tấn Đ1 khi còn sống có mượn của bà Lê Thị Kim T số tiền 16.000.000đồng để làm ăn. Bà L2 và ông Đ1 hứa trong vòng 05 tháng sẽ trả lại tiền. Để làm tin hai bên có lập 01 biên nhận thể hiện việc bà L2 và ông Đ1 nhận số tiền vay nói trên.

Tiếp theo vào ngày 39/6/2023 âm lịch, bà Nguyễn Thị Kim L2 và ông Nguyễn Tấn Đ1 có mượn tiếp của bà Lê Thị Kim T số tiền 40.000.000đồng để làm ăn. Bà L2 và ông Đ1 hứa trong vòng 02 tháng sẽ trả lại tiền. Để làm tin hai bên có lập 01 biên nhận thể hiện việc bà L2 và ông Đ1 nhận số tiền vay nói trên.

Tổng cộng 02 lần bà Đinh Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn Đ1 đã mượn của bà số tiền 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng). Bà cho bà L, ông Đ1 mượn tiền làm ăn nên không có thỏa thuận lãi suất. Hai khoản tiền trên đã quá hạn phải trả, bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà L, ông Đ1 vẫn chưa trả.

Ông Đ1 đã chết năm 2024, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đ1 là bà L và hai người con là Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim T1. Cha mẹ ông Đ1 là ông Nguyễn Văn H, đã mất năm 2025 và bà Giảng L3, đã mất năm 2024.

Do ông Nguyễn Tấn Đ1 đã chết nên nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị Kim L và hai con là Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền 56.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2026 như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Giảng L3 đã chết, ông bà có 03 người con là Nguyễn Tấn L1, Nguyễn Thị Ngọc T2 và Nguyễn Tấn Đ1 (đã chết). Ông Đ1 chết năm 2024, chết trước ông H và bà L3. Khi ông Đ1 chết thì ông H, bà L3 không có thừa kế tài sản gì của ông Đ1. Đến thời điểm này ông L1, bà T2 cũng không hưởng bất kỳ tài sản nào của ông Đ1 nên không có nghĩa vụ trả nợ thay ông Đ1. Trường hợp Tòa án xác định ông L1, bà T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì ông bà xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Đinh Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim O và bà Nguyễn Thị Kim T1 vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, không có mặt theo thông báo, triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 288, 615 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc bà L phải trả cho bà T số tiền 28.000.000đồng.

- Buộc bà L, bà O, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ là 28.000.000đồng trong phạm vi di sản của ông Đ1 chết để lại.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bà L phải chịu 1.400.000đồng. Bà L, bà O, bà T1 phải chịu 1.400.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về hình thức:

Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Ngoài ra ông Nguyễn Tấn Đ1 vay tiền khi còn sống nay ông Đ1 đã chết vào ngày 08 tháng 02 năm 2024 vì vậy cần xác định thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2].Về nội dung:

Theo nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày vào ngày 20/12/2022 âm lịch, bà Nguyễn Thị Kim L2 và ông Nguyễn Tấn Đ1 khi còn sống có mượn của bà số tiền 16.000.000đồng để làm ăn; tiếp theo vào ngày 39/6/2023 âm lịch, bà Nguyễn Thị Kim L2 và ông Nguyễn Tấn Đ1 có mượn tiếp của bà số tiền 40.000.000đồng cũng để làm ăn. Tổng cộng 02 lần bà Đinh Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn Đ1 đã mượn của bà số tiền 56.000.000đồng, hai khoản tiền trên đã quá hạn phải trả, bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà L, ông Đ1 vẫn chưa trả.

Do các bên không thống nhất về quyền và nghĩa vụ đối với việc thực hiện hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại vì vậy phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn Lê Thị Kim T yêu cầu các bị đơn là Đinh Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim T1 là vợ và con của ông Nguyễn Tấn Đ1 (đã chết năm 2024) liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 56.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án 02 biên nhận: "Biên nhận ngày 20 tháng chạp 2022" thể hiện ông Đ1 và bà L có vay của nguyên đơn số tiền 16 triệu đồng, có viết họ tên chồng Nguyễn Tấn Đ1, vợ Đinh Thị Kim L; "Biên nhận ngày 30.6.âl 2023" thể hiện ông Đ1 và bà L có vay của nguyên đơn số tiền 40 triệu đồng, có viết họ tên chồng Nguyễn Tấn Đ1, vợ Đinh Thị Kim L.

Xét các bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không có ý kiến trình bày, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, không tham gia phiên hòa giải, cũng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng không tham gia, không gửi ý kiến phản bác gì đối với trình bày, yêu cầu của nguyên đơn vì vậy cần xác định nội dung của nguyên đơn trình bày rằng bà L và ông Đ1 có vay của nguyên đơn số tiền 56.000.000đồng là có căn cứ do đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và tính đến nay cả 02 khoản vay đã quá hạn trả nợ nhưng bà L và ông Đ1 chưa trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản vay 56.000.000đồng được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ1 và bà L, do vợ chồng cùng vay. Theo Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, ông Đ1 đã chết, về nguyên tắc, mỗi bên phải chịu trách nhiệm đối với 1/2 khoản vay, tương đương mỗi người phải có nghĩa vụ trả 28.000.000đồng.

Đối với nghĩa vụ của bà L: Với tư cách là người cùng vay, buộc bà L có nghĩa vụ trực tiếp thanh toán phần nợ của mình là 28.000.000đồng cho bà T là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ tài sản của ông Đ1 để lại, do sau khi ông Đ1 chết, phần nghĩa vụ trả nợ 28.000.000đồng của ông Đ1 chưa được thực hiện. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thì "*những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại,…*''. Theo nguyên đơn thì ông Đ1 có vợ là bà L, 02 con là bà O, bà T1, cha mẹ của ông Đ1 là ông Nguyễn Văn H, bà Giảng L3. Tại Công văn số 354, ngày 03/02/2026 của UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long cung cấp thông tin thì ông Đ1 chết vào ngày 08/02/2024 và theo hai Trích lục khai tử thể hiện ông Nguyễn Văn H chết ngày 14/5/2025, bà Giảng L3 chết ngày 25/9/2024, đều chết sau ông Đ1. Như vậy theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ1 gồm bà L, bà O, bà T1, ông H và bà L3. Ông H, bà L3 đã chết nên con của ông H, bà L3 sẽ được hưởng phần thừa kế của ông H, bà L3 được thừa kế từ ông Đ1 nếu có. Ông H, bà L3 có 02 người con là Nguyễn Tấn L1 và Nguyễn Thị Ngọc T2.

Về tài sản của người chết để lại, theo Công văn số 684/CNKV21-TTLT ngày 13/3/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 21 thể hiện

ông Nguyễn Tấn Đ1 và bà Đinh Thị Kim L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận có số vào sổ CS08784, cấp ngày 30/5/2017, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Giấy chứng nhận có số vào sổ CH06191, cấp ngày 25/6/2013, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 33, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Giấy chứng nhận có số vào sổ CH01031, cấp ngày 12/12/2012, thửa đất số 145, tờ bản đồ số 33, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, di sản của ông Đ1 để lại được xác định là 1/2 giá trị các thửa đất. Theo hồ sơ vụ án thì di sản thừa kế của ông Đ1 hiện vẫn chưa phân chia, di sản vẫn do bà L và các con quản lý, sử dụng. Đồng thời ông H, bà L3, ông Nguyễn Tấn L1 và Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày không có nhận di sản của ông Đ1 chết để lại đồng thời bà T cũng chỉ yêu cầu bà L, bà O và bà T1 liên đới trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 288 và 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bà L, bà O và bà T1 có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ 28.000.000đồng trong phạm vi di sản được hưởng.

Đối với việc tính lãi bên nguyên đơn không yêu cầu là do tự nguyện nên được ghi nhận.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Về án phí:

Bà L phải trả nợ 28.000.000đồng vì vậy phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bà L, bà O và bà T1 có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ 28.000.000đồng vì vậy phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Nguyên đơn bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không cần tuyên trả lại tiền tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 288, 357, 463, 466, 615 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T đối với bà Đinh Thị Kim L và hai con là Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim T1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*".

Buộc bà Đinh Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 28.000.000đồng.

Buộc bà Đinh Thị Kim L và hai con là Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị K phải có nghĩa liên đới trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 28.000.000đồng trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Tấn Đ1 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Buộc bà Đinh Thị Kim L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.400.000đồng.

Buộc bà Đinh Thị Kim L và hai con là Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.400.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh long
- VKSND khu vực 6 - vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Cường